TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 322/2025/DS-ST Ngày: 23/12/2025	**NHÂN DANH**
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản	**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tường**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông **Trần Tấn Thanh**

2/Bà **Lê Thị Bé Bảy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Ngọc Yến Oanh**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Đồng Tháp: không tham gia phiên tòa

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 260/2025/TLST-DS ngày 07/10/2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 518/2025/QĐXXST-DS ngày 15/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông **Trần Quốc P** sinh năm 1975

Căn cước công dân: 082075019916 cấp ngày 31/12/2021. Nơi cấp: Cục C2 về TTXH – Bộ C3.

Địa chỉ: T, xã B, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền:

Bà **Lê Thị Hồng T** sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Tân Phú, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp

2. Bị đơn:

Bà **Nguyễn Thị Thúy P1** sinh năm 1983 (tên thường gọi Lê Thị Thúy O) (có mặt)

Căn cước công dân: 082183009193 cấp ngày 30/8/2021. Nơi cấp: Cục C2 về TTXH – Bộ C3.

Ông **Đặng Minh C** sinh năm 1968 (tên thường gọi Nguyễn Minh C1) (có mặt)

Căn cước công dân: 082068023507 cấp ngày 30/8/2021. Nơi cấp: Cục C2 về TTXH – Bộ C3.

Cùng địa chỉ: T, xã B, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ người đại diện theo ủy quyền bà Lê Thị Hồng T trình bày:

Yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Thúy P1 và Đặng Minh C trả số tiền mượn 60.000.000 đồng và tiền lãi từ 19/5/2024 đến ngày xét xử với lãi suất 1,66%/tháng là 18.924.000 đồng, tổng cộng 78.924.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Theo biên bản hòa giải, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa:

Bị đơn Nguyễn Thị Thúy P1 và Đặng Minh C đồng ý trả 78.924.000 đồng nợ gốc và lãi với lãi suất 1,66%/tháng từ 19/5/2024 đến ngày xét xử như nguyên đơn yêu cầu, nhưng do hoàn cảnh khó khăn, xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 1.500.000 đồng do trả 01 lần thì không có điều kiện trả 01 lần cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn Nguyễn Thị Thúy P1 và Đặng Minh C cư trú tại ấp T, xã B, tỉnh Đồng Tháp, do đó căn cứ vào Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Đồng Tháp.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 60.000.000 đồng và tiền lãi, do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" được xem xét giải quyết theo Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung yêu cầu:

Căn cứ vào thừa nhận của các đương sự, bản tự khai cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định:

Vào ngày 12/4/2024 (âm lịch) nhằm ngày 19/5/2024 dương lịch, ông P có cho vợ chồng bà P1, ông C mượn 60.000.000 đồng, thời hạn mượn 06 tháng, đến 12/10/2024 âm lịch phải trả, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, nhưng đến thời điểm phải trả nợ thì phía bà P1, ông C không thực hiện trả nợ.

Do đó ông P khởi kiện yêu cầu bị đơn bà P1, ông C trả 60.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 19/5/2024 đến ngày xét xử với lãi suất 1,66%/tháng là 18.924.000 đồng, tổng cộng 78.924.000 đồng, thực hiện trả khi bản án có hiệu lực pháp luật, không đồng ý cho trả dần hàng tháng. Bị đơn bà P1, ông C tự nguyện đồng ý trả số tiền vốn và lãi 78.924.000 đồng với lãi suất 1,66%/tháng từ 19/5/2024 đến ngày xét xử như nguyên đơn đã yêu cầu, nhưng xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Từ những nhận định trên, có cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đồng thời bị đơn xin trả dần hàng tháng nhưng không được phía nguyên đơn chấp nhận và kéo dài thời gian trả nợ cho nguyên đơn do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi 78.924.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật, là có căn cứ đúng quy định pháp luật do đó HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí:

Nguyên đơn được HĐXX chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;
- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

1/*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Quốc Phú*

Buộc bị đơn Nguyễn Thị Thúy P1 và Đặng Minh C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Trần Quốc P số tiền 78.924.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/Về án phí:

H lại nguyên đơn Trần Quốc P số tiền 1.849.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0003666 ngày 07/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn Nguyễn Thị Thúy P1 và Đặng Minh C phải chịu 3.946.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc T1

**** Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 1-Đồng Tháp
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.